TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-01-2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Văn Đoàn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Vinh;
2. Bà Hoàng Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lâm Thị Nhưng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đình Phương– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Chổ ở hiện nay: Thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn T có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà Q xác định không còn tình cảm với ông T và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Q và ông T có 01 người con chung là Trần Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/11/2015. Sau khi ly hôn bà Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản bà Q không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Trần Văn T*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng để cho bị đơn tham gia tố tụng và bảo vệ quyền lợi cho mình, nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn sinh sống, xác định tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn nguyên đơn và bị đơn là có thật theo như lời khai của nguyên đơn. Nay nguyên đơn làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q .

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/11/2015 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Viện kiểm sát, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Q và ông T là các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bà Q có đơn xin vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn để tham gia tố tụng, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt là từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân với nguyên đơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Văn T có 01 người con chung là Trần Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/11/2015 từ trước đến nay đều ở với bà Q. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên cần giao cháu H cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án*".

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q .

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Q được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/11/2015 cho bà Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0017809 ngày 12/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bà Q đã nộp xong tiền án phí

4. Thông báo quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Đoàn